

Số : 529 /CT-CBTT

V/v : Công bố thông tin Báo cáo tài chính
soát xét 6 tháng năm 2014

TP.HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
2. Mã chứng khoán : INC
3. Địa chỉ trụ sở: Lầu 6, 151 Ter, đường Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TPHCM
4. Điện thoại : 083 9304 790 Fax: 083 9304 790
5. Người thực hiện công bố thông tin : Phùng Thị Thơm
6. Nội dung công bố thông tin : Toàn văn Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2014.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC : www:idico-incon.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VPTH.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ
IDICO
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

(Handwritten signature)

Phùng Thị Thơm

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Lầu 6-151 Ter-Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 05 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6 - 151 Ter - Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Minh Toàn	Chủ tịch
Ông Phan Công Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên
Bà Phùng Thị Thơm	Ủy viên
Ông Mai Quốc Chinh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Quảng Nam
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Khánh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Số: 463/2014/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉTBáo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 08/8/2014 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (gọi tắt là "Công ty") và được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO với số tiền 2.000.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		28.585.048.447	33.346.321.288
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	495.533.862	2.008.738.940
1. Tiền	111		495.533.862	2.008.738.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.378.233.760	13.381.073.057
1. Phải thu khách hàng	131		10.871.087.580	13.888.260.168
2. Trả trước cho người bán	132		1.286.221.000	996.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.145.875.025	1.281.853.675
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.924.949.845)	(2.785.040.787)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	17.471.814.214	17.816.537.063
1. Hàng tồn kho	141		17.761.526.186	18.106.249.035
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(289.711.972)	(289.711.972)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		239.466.611	139.972.228
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.800.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	9.292.500
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.396.611	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	226.270.000	130.679.728
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		4.322.431.329	4.562.472.327
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.301.711.199	3.517.443.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	171.135.727	263.803.727
- Nguyên giá	222		4.646.910.650	4.646.910.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.475.774.923)	(4.383.106.923)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	3.130.575.472	3.253.639.472
- Nguyên giá	228		4.808.783.400	4.808.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.678.207.928)	(1.555.143.928)
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	423.201.000	436.033.000
1. Nguyên giá	241		641.581.000	641.581.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(218.380.000)	(205.548.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	500.000.000	500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		97.519.130	108.996.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	97.519.130	108.996.128
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		32.907.479.776	37.908.793.615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.499.393.232	13.099.945.854
I- Nợ ngắn hạn	310		8.499.393.232	13.099.945.854
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	547.045.000	506.701.000
2. Phải trả người bán	312		1.085.164.912	2.484.067.501
3. Người mua trả tiền trước	313		4.558.136.474	5.787.417.983
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	413.376.999	1.149.061.589
5. Phải trả người lao động	315		813.275.114	1.794.675.670
6. Chi phí phải trả	316		-	847.760.000
9. Các khoản phải trả, nợ ngắn hạn khác	319	5.12	809.184.390	250.201.968
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		273.210.343	280.060.143
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		24.408.086.544	24.808.847.761
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	24.408.086.544	24.808.847.761
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.521.090.117	2.316.979.152
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.337.651.643	1.236.966.643
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		301.294.784	1.006.851.966
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		32.907.479.776	37.908.793.615

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Loan

Phùng Thị Thơm

Nguyễn Ngọc Khánh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	8.001.422.077	8.373.290.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		8.001.422.077	8.373.290.106
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	5.607.284.494	5.921.781.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.394.137.583	2.451.508.446
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	4.299.814	32.536.586
7. Chi phí tài chính	22	5.16	12.292.273	4.822.173
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.292.273	4.822.173
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	2.169.028.435	1.832.297.449
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		217.116.689	646.925.410
11. Thu nhập khác	31	5.18	237.272.727	186.363.636
12. Chi phí khác	32	5.18	12.832.000	408.820.158
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		224.440.727	(222.456.522)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		441.557.416	424.468.888
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	140.262.632	226.767.636
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		301.294.784	197.701.252
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	151	99

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Phùng Thị Thơm

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	441.557.416	424.468.888
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	228.564.000	347.418.311
- Các khoản dự phòng	3	139.909.058	105.507.969
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(4.299.814)	(32.536.586)
- Chi phí lãi vay	6	12.292.273	4.822.173
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	818.022.933	849.680.755
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	2.774.235.855	1.434.834.495
- Giảm/Tăng hàng tồn kho	10	344.722.849	(118.735.853)
- Giảm các khoản phải trả	11	(4.686.304.632)	(2.290.300.891)
- Giảm chi phí trả trước	12	676.998	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.292.273)	(4.822.173)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(488.004.822)	(806.210.346)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(308.905.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.557.848.892)	(935.554.013)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(71.162.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.299.814	32.536.586
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.299.814	(38.625.414)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.227.913.755	792.216.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.187.569.755)	(792.216.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.515.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.344.000	(10.515.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.513.205.078)	(984.694.427)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.008.738.940	1.946.127.817
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	495.533.862	961.433.390

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Phạm Thị Loan

Phùng Thị Thom

Nguyễn Ngọc Khánh



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam nay là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 05 năm 2013.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND

Sở hữu vốn

Chi tiết vốn chủ sở hữu	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Số vốn đã góp
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 30/6/2014
	CP	VND	%	VND
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO	200.000	2.000.000.000	10%	2.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	1.208.000	12.080.000.000	60%	12.080.000.000
Bà Phùng Thị Thom	40.000	400.000.000	2%	400.000.000
Cổ đông khác	552.000	5.520.000.000	28%	5.520.000.000
Tổng	2.000.000	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

Địa chỉ đăng ký: Lầu 6 - Số 151Ter - Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số lao động bình quân 6 tháng năm 2014: 73 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp
- Giám sát kỹ thuật thi công xây lắp và kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây lắp và mua sắm máy móc thiết bị;
- Quản lý thực hiện các dự án đầu tư;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà và đô thị;
- Thiết kế công trình điện năng, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế kiến trúc đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án...

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Thương hiệu: Tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 2.000.000.000 VND là giá trị thương hiệu IDICO được hạch toán theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1291/QĐ-BXD ngày 14/09/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO. Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007.

Quyền sử dụng đất: Là giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số G14, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 05 năm đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty Mẹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty Mẹ, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	219.626.583	60.398.819
Tiền gửi ngân hàng	275.907.279	1.948.340.121
Tổng	495.533.862	2.008.738.940

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	102.331.466	102.331.466
Phải thu các đội thi công công trình	1.001.504.772	1.173.164.772
Phải thu khác	42.038.787	6.357.437
Tổng	1.145.875.025	1.281.853.675

5.3 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.301.811	5.482.975
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.735.224.375	18.100.766.060
Tổng	17.761.526.186	18.106.249.035
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	289.711.972	289.711.972
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	17.471.814.214	17.816.537.063

Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Văn phòng	17.735.224.375	18.100.766.060
Các hợp đồng lập báo cáo, lập dự án	936.613.178	1.519.187.888
Các hợp đồng giám sát thi công	2.347.731.097	3.281.908.375
Các hợp đồng khảo sát thiết kế, khảo sát quy hoạch	2.912.301.768	3.192.260.785
Các hợp đồng thiết kế	10.650.491.798	9.222.702.263
Thí nghiệm mẫu các loại	888.086.534	884.706.749
Công tác cắm mốc	-	-
Tổng	17.735.224.375	18.100.766.060

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	226.270.000	130.679.728
Tổng	226.270.000	130.679.728

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2014	2.664.913.796	1.493.676.121	488.320.733	4.646.910.650
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>2.664.913.796</u>	<u>1.493.676.121</u>	<u>488.320.733</u>	<u>4.646.910.650</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2014	2.600.753.956	1.396.284.212	386.068.755	4.383.106.923
Tăng trong kỳ	47.336.000	38.960.000	6.372.000	92.668.000
Khấu hao trong kỳ	47.336.000	38.960.000	6.372.000	92.668.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>2.648.089.956</u>	<u>1.435.244.212</u>	<u>392.440.755</u>	<u>4.475.774.923</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	<u>64.159.840</u>	<u>97.391.909</u>	<u>102.251.978</u>	<u>263.803.727</u>
Tại 30/06/2014	<u>16.823.840</u>	<u>58.431.909</u>	<u>95.879.978</u>	<u>171.135.727</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2014: 2.083.720.988 đồng.

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm thiết kế	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2014	2.389.054.000	419.729.400	2.000.000.000	4.808.783.400
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>2.389.054.000</u>	<u>419.729.400</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>4.808.783.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2014	-	155.143.928	1.400.000.000	1.555.143.928
Khấu hao trong kỳ	-	23.064.000	100.000.000	123.064.000
Số dư tại 30/06/2014	-	<u>178.207.928</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.678.207.928</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	<u>2.389.054.000</u>	<u>264.585.472</u>	<u>600.000.000</u>	<u>3.253.639.472</u>
Tại 30/06/2014	<u>2.389.054.000</u>	<u>241.521.472</u>	<u>500.000.000</u>	<u>3.130.575.472</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2014: 50.697.400 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	641.581.000	641.581.000
Số dư tại 30/06/2014	<u>641.581.000</u>	<u>641.581.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	205.548.000	205.548.000
Tăng trong kỳ	12.832.000	12.832.000
Khấu hao trong kỳ	12.832.000	12.832.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>218.380.000</u>	<u>218.380.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	436.033.000	436.033.000
Tại 30/06/2014	<u>423.201.000</u>	<u>423.201.000</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 114.545.454 VND. Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 12.832.000 VND.

5.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	500.000.000	500.000.000
Tổng	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng Vinacontrol IDICO. Công ty có trụ sở tại Lầu 7, Số 151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO chiếm 10%. Tại ngày 30/06/2014, Công ty đã góp được 500.000.000 đồng.

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	97.519.130	108.996.128
Tổng	<u>97.519.130</u>	<u>108.996.128</u>

5.10 VAY NGẮN HẠN

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo kế ước nhận nợ từ ngày 24/6/2014 đến ngày 24/9/2014 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/3158000/HĐTD ngày 24/6/2014. Lãi suất là 8,3%/năm. Mục đích của khoản vay này là thanh toán lương tháng 05 cho Cán bộ công nhân viên. Thời điểm cuối kỳ kế toán Công ty chưa thanh toán khoản vay này.

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	146.324.958	521.863.358
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.817.714	438.559.904
Thuế thu nhập cá nhân	60.319.224	72.723.224
Các loại thuế khác	115.915.103	115.915.103
Tổng	413.376.999	1.149.061.589

5.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	19.695.080	7.840.283
Bảo hiểm xã hội	126.648.330	5.420.390
Bảo hiểm y tế	6.251.800	11.932.665
Bảo hiểm thất nghiệp	19.586.270	4.005.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	637.002.910	221.002.910
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>563.692.910</i>	<i>163.692.910</i>
<i>Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia</i>	<i>57.000.000</i>	<i>57.000.000</i>
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị</i>	<i>16.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức năm tài chính 2009</i>	<i>310.000</i>	<i>310.000</i>
Tổng	809.184.390	250.201.968

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	20.000.000.000	248.050.000	1.575.863.710	1.144.326.643	926.395.442	23.894.635.795
Tăng trong năm	-	-	741.115.442	92.640.000	1.006.851.966	1.840.607.408
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.006.851.966	1.006.851.966
Trích lập các quỹ	-	-	741.115.442	92.640.000	-	833.755.442
Giảm trong năm	-	-	-	-	926.395.442	926.395.442
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	741.115.442	741.115.442
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	92.640.000	92.640.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	92.640.000	92.640.000
Số dư tại 31/12/2013	20.000.000.000	248.050.000	2.316.979.152	1.236.966.643	1.006.851.966	24.808.847.761
Số dư tại 01/01/2014	20.000.000.000	248.050.000	2.316.979.152	1.236.966.643	1.006.851.966	24.808.847.761
Tăng trong kỳ	-	-	204.110.965	100.685.000	301.294.784	606.090.749
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	301.294.784	301.294.784
Trích lập các quỹ	-	-	204.110.965	100.685.000	-	304.795.965
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.006.851.966	1.006.851.966
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	204.110.965	204.110.965
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	100.685.000	100.685.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	302.056.000	302.056.000
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	400.000.000	400.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	1	1
Số dư tại 30/06/2014	20.000.000.000	248.050.000	2.521.090.117	1.337.651.643	301.294.784	24.408.086.544

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn chủ sở hữu	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Số vốn đã góp
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 30/6/2014
	CP	VND	%	VND
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO	200.000	2.000.000.000	10%	2.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	1.208.000	12.080.000.000	60%	12.080.000.000
Bà Phùng Thị Thơm	40.000	400.000.000	2%	400.000.000
Cổ đông khác	552.000	5.520.000.000	28%	5.520.000.000
Tổng	2.000.000	20.000.000.000	100%	20.000.000.000

Cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 Cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)	10.000	10.000

5.14 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.001.422.077	8.373.290.106
Tổng	8.001.422.077	8.373.290.106

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.607.284.494	5.921.781.660
Tổng	5.607.284.494	5.921.781.660

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ (IDICO-INCON)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.299.814	32.536.586
Tổng	4.299.814	32.536.586
Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	12.292.273	4.822.173
Tổng	12.292.273	4.822.173
Thu nhập tài chính - thuần	(7.992.459)	27.714.413

5.17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.169.118.770	982.724.051
Chi phí vật liệu quản lý	30.023.184	33.472.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.075.450	138.284.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	179.872.998	18.615.381
Thuế, phí và lệ phí	11.701.923	7.168.699
Chi phí dự phòng	139.909.058	105.507.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.716.143	91.523.937
Chi phí bằng tiền khác	524.610.909	455.000.187
Tổng	2.169.028.435	1.832.297.449

5.18 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê văn phòng	114.545.454	114.545.454
Thanh lý tài sản cố định	-	71.818.182
Thu nhập khác	122.727.273	-
Tổng	237.272.727	186.363.636
Chi phí khác		
Chi phí cho thuê văn phòng	12.832.000	12.832.000
Truy thu thuế	-	286.352.855
Phạt về thuế	-	109.635.303
Tổng	12.832.000	408.820.158
Lợi/(lỗ) nhuận khác	224.440.727	(222.456.522)

5.19 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	441.557.416	424.468.888
Các khoản điều chỉnh tăng	196.000.000	482.601.658
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	-	86.613.500
- Chi phí kết chuyển giá vốn nhưng không có doanh thu	-	395.988.158
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	96.000.000	-
- Khấu hao góp vốn thương hiệu	100.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	637.557.416	907.070.546
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp	140.262.632	226.767.636
Chi phí thuế TNDN hiện hành	140.262.632	226.767.636

5.20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	301.294.784	197.701.252
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	301.294.784	197.701.252
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	151	99

5.21 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.923.944	610.867.302
Chi phí nhân công	5.113.593.840	4.445.091.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.208.998	327.667.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.882.945	885.907.211
Chi phí khác bằng tiền	869.053.042	1.198.564.611
Tổng	7.664.662.769	7.468.098.208

5. THÔNG TIN KHÁC

6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ:

Bên liên quan	Tính chất	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Lương, thưởng, thù lao	1.734.903.000	1.034.978.000
Tổng		1.734.903.000	1.034.978.000

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Mua hàng			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	81.818.182	269.139.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	Thành viên cùng TCT	55.061.818	-
Bán hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Thành viên cùng TCT	406.519.091	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Đak Mi 4	Thành viên cùng TCT	2.194.896.839	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	Thành viên cùng TCT	243.400.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Thành viên cùng TCT	44.925.455	150.410.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Thành viên cùng TCT	164.780.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận	Thành viên cùng TCT	244.014.546	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Thành viên cùng TCT	756.223.636	-
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	Thành viên cùng TCT	299.721.495	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	1.271.668.952	394.273.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Thành viên cùng TCT	134.413.636	1.199.050.502
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị & KCN IDICO	Thành viên cùng TCT	160.292.740	1.354.199.999

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN****6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư cuối kỳ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
<u>Phải thu khách hàng</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Thành viên cùng TCT	349.831.200	18.091.200
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Đak Mi 4	Thành viên cùng TCT	1.939.312.856	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	Thành viên cùng TCT	693.163.189	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Thành viên cùng TCT	119.871.000	110.530.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	Thành viên cùng TCT	72.578.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận	Thành viên cùng TCT	163.609.400	-
Công Ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Thành viên cùng TCT	1.543.236.913	439.496.971
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO	Thành viên cùng TCT	166.887.000	316.887.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quế Võ IDICO	Thành viên cùng TCT	342.359.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	8.884.848	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị & KCN IDICO	Thành viên cùng TCT	680.159.958	2.837.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 10 IDICO	Thành viên cùng TCT	-	763.199.000
<u>Phải thu khác</u>			
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	Thành viên cùng TCT	102.331.466	102.331.466

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN****6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư cuối kỳ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
<u>Phải trả người bán</u>			
Công ty Cổ phần phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	Thành viên cùng TCT	27.501.818	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	54.358.964	-
<u>Khách hàng trả tiền trước</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	1.075.073.739	3.350.734.406
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Quế Võ	Thành viên cùng TCT	237.360.000	237.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Thành viên cùng TCT	52.420.693	68.651.693
Công ty Cổ phần phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	Thành viên cùng TCT	295.376.750	-
Công ty TNHH MTV Phát triển. Đô thị và KCN IDICO	Thành viên cùng TCT	739.483.818	700.799.060
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Thành viên cùng TCT		256.742.000
<u>Phải trả dài hạn khác</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	241.600.000	334.790.517
Công ty TNHH MTV Phát triển. Đô thị và KCN IDICO	Thành viên cùng TCT	40.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN****6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	495.533.862	2.008.738.940
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.092.012.760	12.385.073.056
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	500.000.000
Tổng	10.087.546.622	14.893.811.996
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	547.045.000	506.701.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.894.349.302	2.734.269.469
Chi phí phải trả	-	847.760.000
Tổng	2.441.394.302	4.088.730.469

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ nhưng không trọng yếu, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2014			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.894.349.302	-	1.894.349.302
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	547.045.000	-	547.045.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.734.269.469	-	2.734.269.469
Chi phí phải trả	847.760.000	-	847.760.000
Các khoản vay	506.701.000	-	506.701.000

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	495.533.862	-	495.533.862
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.092.012.760	-	9.092.012.760
Đầu tư tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.008.738.940	-	2.008.738.940
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.385.073.056	-	12.385.073.056
Đầu tư tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Loan

Phùng Thị Thơm

Nguyễn Ngọc Khánh